



PIONEER SHIPBROKERS CO., LTD.

(A MEMBER OF THE VIETNAM SHIPOWNER'S ASSOCIATION)

SHIP SALE & PURCHASE – CHARTERING

No.13, Ngan Long villas, Nguyen Huu Tho Street, Nha Be District, HCMC

Tel: 028-38817289

www.pioneershipbrokers.com.vn

Nhằm phục vụ nhu cầu của khách hàng và cập nhật thông tin thị trường ngày càng tốt hơn, công ty môi giới hàng hải Tiên Phong (Pioneer Shipbrokers) giới thiệu đến quý khách hàng ứng dụng **Pioneer Shipbrokers** có trên iOS và Android, công cụ hữu ích cho khách hàng quan tâm lĩnh vực mua bán tàu biển và thông tin thị trường

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG

TUẦN 13/2025

(25/03/2025 – 31/03/2025)

1. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÃ QUA SỬ DỤNG:

Ở mảng tàu hàng khô, chỉ số BDI giảm nhẹ 54 điểm (↓3,2%) hiện ghi nhận ở mức 1.598 điểm. Tâm lý thị trường thuê tàu hiện nay khá mạnh mẽ do nhu cầu ổn định, chỉ số thuê tàu tuần qua biến động như sau: Capesize tiếp tục giảm 225 điểm (↓8,3%) còn 2.465 điểm, trong khi đó Panamax tiếp tục tích lũy 112 điểm (↑8%) lên 1.501 điểm – cao nhất kể từ cuối tháng 9/2024. Supramax giảm nhẹ 25 điểm (↓2,4%) còn 998 điểm và Handysize tăng 15 điểm (↑2,5%) lên 614 điểm. Thị trường mua bán tàu tuần qua có phần chững lại khi số lượng thương vụ tuần qua giảm gần một nửa so với thông thường. Ở phân khúc Supramax, tàu **Fortune Wing** (55.650 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 01/2026) được chốt cho người mua Indonesia với giá khoảng 16 triệu đô la Mỹ. Tàu tương tự bán tháng 11/2024 có giá khoảng 16,5 triệu đô la Mỹ nên giá tàu **Fortune Wing** khá hợp lý và sẽ là mốc tham chiếu mới cho dòng tàu 55k đóng Nhật xung quanh 14-15 tuổi. Sang phân khúc Handysize, tàu 36k dwt **Atlantic Ocean** (36.009 dwt, đóng 2010 xưởng Samjin Hàn Quốc, chờ gỗ được, DD/SS 10/2025) với giá khoảng 9,5 triệu đô la Mỹ. Cách đây một tháng, chủ tàu đã chốt tàu chị em **Antarctic Ocean** (36.009 dwt, đóng 2010 xưởng Samjin Hàn Quốc, DD/SS 11/2025) với giá khoảng 9 triệu đô la Mỹ nhưng do hiện nay thị trường tăng nên giá tàu như **Atlantic Ocean** là hợp lý. Đối với tàu Handysize 28k đóng Nhật, tuần qua ghi nhận chủ tàu Taylor Maritime chốt tàu **IVS Magpie** (28.240 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 10/2026) với giá khoảng 10,2 triệu đô la Mỹ. Trước đó, tàu tương tự **Queen Harmony** (28.425 dwt, đóng 2011 Nhật, DD/SS 3/2026) cũng được chủ tàu Singapore chốt thành công với giá khoảng 10,35 triệu đô la Mỹ - giá nhỉnh hơn do tình trạng tàu tốt hơn. Giá hai tàu 28k dwt trên sẽ là mốc tham chiếu cho cỡ tàu 28k xung quanh 15 tuổi đóng Nhật trong thời gian tới.

Ở mảng tàu dầu/hóa chất, tuần qua chỉ số BDTI (Baltic Dirty Tanker Index) tuần qua tăng 113 điểm (↑11,3%) lên 1.107 điểm (cao nhất trong gần 8 tháng kể từ tháng 7/2024) và chỉ số BCTI (Baltic Clean Tanker Index) lại quay đầu giảm 82 điểm (↓9,7%) xuống còn 758 điểm. Nhìn chung bình quân cước tàu chở dầu thô vẫn trên đà tăng (tuần qua được báo cáo là tăng khoảng 14%/tuần và hiện cước đang ở mức cao nhất trong vòng 10 tháng trở lại đây), trong khi đó tàu chở dầu thành phẩm có xu hướng giảm nhẹ và đi ngang. Đối với mảng mua bán, xu hướng chậm rãi và khá ảm đạm. Tuần qua có một tàu J19 bán thành công là **Strinda** (19.959 dwt, đóng 2006 Nhật, DD/SS 08/2026) với giá khoảng 15,8 triệu đô la Mỹ. Cách đây 1 tháng tàu già hơn một tuổi **Seahan Intrasia** (19.870 dwt, đóng 2005 Nhật, DD 11/2027, SS 11/2029) bán thành công với giá khoảng 15,1 triệu đô la Mỹ. Tàu nhỏ 13k dwt **Owl 3** (13.153 dwt, đóng 2008 Hàn Quốc, DD 01/2027, SS 07/2028) về tay người mua Ấn Độ Seven Islands Shipping với giá khoảng 11 triệu đô la Mỹ. Đầu năm nay, Seven Islands Shipping cũng chốt một tàu 13k dwt với giá tương tự, hiện công ty này đang tích cực bổ sung nâng cấp đội tàu của mình để hoạt động thương mại ven biển Ấn Độ.

Bảng ghi nhận các giao dịch mua bán tàu đã qua sử dụng trong tuần qua:

Name	Blt Year	Blt Place	Dwt	Price M.USD	Buyers	Comment
BULKERS / GENERAL CARGO CARRIERS						
Global Commander	2010	Japan	207,953	33.00	Chinse	DD/SS due 06/2025
Hi Saijo	2010	Japan	206,291	37.95	Winking	Basis 3 years BBHP, DD/SS 06/2025
Cape Unity	2007	Japan	180,181	22.50	Winning International	DD 11/2025, SS 11/2027
Arabella	2005	Japan	177,005	18.00	Undisclosed	Scrubber fitted, DD 02/2026, SS 02/2028
Wangaratta	2011	Japan	82,206	17.20	Chinese	DD/SS due 06/2025
Tristar Dugon	2011	China	79,200	13.30	Undisclosed	DD/SS 02/2026
Magic Callisto	2012	Japan	74,930	14.50	Undisclosed	<i>Sold enbloc with sister Magic Eclipse (blt 2011 Japan) report 2 weeks ago at USD13,5m, DD/SS 10/2026</i>
Servette	2020	China	63,668	31.70	Greek	Basis of 3 years BBHP, scrubber fitted, DD/SS 10/2025
Fortune Wing	2011	Japan	55,650	16.00	Indonesian	DD/SS 01/2026
Mercurius	2001	Japan	50,296	Undisclosed	Undisclosed	DD 09/2025, SS 01/2026, Ukrainian owners
Atlantic Ocean	2010	Samjin, China	36,009	9.50	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 10/2025
IVS Magpie	2011	Japan	28,240	10.20	Undisclosed	Log-fitted, DD/SS 10/2026
TANKERS						
Seacross	2006	Korea	163,292	33.00	Undisclosed	Ice class 1B, DD/SS 01/2026
P. Yanbu	2011	Japan	105,391	39.00	Chinese	DD/SS 01/2026
SW Cap Ferrat I	2001	Korea	36,031	7.80	Chinese	DD 07/2025, SS 03/2027
Strinda	2006	Japan	19,959	15.80	Undisclosed	Chemical IMO II/III, stainless steel, DD/SS 08/2026
Owl 3	2008	Korea	13,153	11.00	Indian, Seven Islands	Chemical IMO II, epoxy coated, DD 01/2027, SS 07/2028
CONTAINERS						
SSG Edward A. Carter Jr.	1985	Korea	58,943	27.00	Undisclosed	3739 teu, ice class II, DD/SS 05/2026

As Alexandria	2010	Korea	28,632	Undisclosed	Greek, Contships	1970 teu, scrubber fitted, DD 09/2027, SS 03/2030
As Anita	2010	Korea	28,362			1970 teu, DD/SS 03/2025
As Floriana	2008	China	18,445			1296 teu, ice class II, DD 09/2025, SS 04/2028
As Fabrizia	2008	China	18,298			1284 teu, ice class II, DD/SS 01/2028
As Filippa	2008	China	17,236			1935 teu, ice class II, DD 05/2026, SS 03/2028
Polynesia	2008	China	23,415	17.50	Undisclosed	1740 teu, DD 04/2026, SS 05/2028

Bảng minh họa giá trị tàu đã qua sử dụng cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật:

Giá trị tàu hàng khô (đv: triệu đô la Mỹ)							% thay đổi theo (M (month) = tháng)						TB 5 năm
03/2025							1M	3M	6M	12M			
CAPESIZE													
180k dwt	Resale	76.00	1%	1%	-1%	1%							59.75
180k dwt	5 tuổi	63.00	2%	2%	-1%	2%							43.75
170k dwt	10 tuổi	44.00	2%	2%	-1%	4%							30.75
150k dwt	15 tuổi	27.50	2%	4%	-5%	2%							19.50
PANAMAX													
82k dwt	Resale	38.00	-3%	-5%	-12%	-11%							36.75
82k dwt	5 tuổi	32.00	-3%	-7%	-16%	-12%							30.25
76k dwt	10 tuổi	24.00	-2%	-4%	-16%	-14%							21.00
74k dwt	15 tuổi	14.25	0%	-10%	-23%	-21%							14.00
SUPRAMAX													
62k dwt	Resale	37.00	0%	-5%	-10%	-10%							34.50
58k dwt	5 tuổi	30.50	0%	-8%	-16%	-10%							25.75
56k dwt	10 tuổi	22.00	0%	-7%	-20%	-17%							18.75
52k dwt	15 tuổi	14.25	0%	-7%	-11%	-8%							12.75
HANDYSIZE													
37k dwt	Resale	33.00	0%	-4%	-4%	-3%							28.75
37k dwt	5 tuổi	25.50	0%	-5%	-9%	-7%							22.75
32k dwt	10 tuổi	17.00	3%	-9%	-15%	-13%							15.00
28k dwt	15 tuổi	11.00	0%	-8%	-12%	-12%							9.50

Giá trị tàu dầu/hóa chất (đv: triệu đô la Mỹ)							% thay đổi theo (M (month) = tháng)						TB 5 năm
03/2025							1M	3M	6M	12M			
VLCC													
310k dwt	Resale	144.00	-2%	-3%	-1%	1%							112.50
310k dwt	5 tuổi	112.00	-1%	-3%	-3%	0%							85.50
250k dwt	10 tuổi	83.00	-1%	-2%	-2%	-1%							61.00
250k dwt	15 tuổi	53.00	0%	-2%	-9%	-7%							43.50
SUEZMAX													
160k dwt	Resale	94.00	0%	-4%	-5%	-5%							77.75
150k dwt	5 tuổi	77.00	3%	-1%	-7%	-7%							60.00
150k dwt	10 tuổi	62.00	7%	0%	-9%	-8%							44.50
150k dwt	15 tuổi	41.00	0%	-11%	-13%	-11%							28.75
AFRAMAX													
110k dwt	Resale	75.00	-5%	-11%	-12%	-10%							64.75
110k dwt	5 tuổi	62.00	-3%	-9%	-13%	-14%							50.75
105k dwt	10 tuổi	50.00	-3%	-6%	-17%	-13%							37.75
105k dwt	15 tuổi	34.00	-3%	-9%	-18%	-13%							24.75
MR													
52k dwt	Resale	51.00	0%	-6%	-11%	-5%							44.25
52k dwt	5 tuổi	41.00	0%	-7%	-18%	-10%							35.25
45k dwt	10 tuổi	31.00	0%	-9%	-23%	-17%							25.50
45k dwt	15 tuổi	22.50	5%	-2%	-21%	-15%							17.00

2. THỊ TRƯỜNG TÀU ĐÓNG MỚI:

Type	Size	Price (m.usd)	Qty	Yard	Owners	Delivery	Comments
Bulker	38,000 dwt	-	1	Zhejiang Xinle	Swiss/Canadian joint venture Nova Algoma	2027	Cement carrier

Bảng minh họa giá tàu đóng mới cập nhật theo số liệu gần nhất và so sánh với 5 năm qua (số liệu dựa trên chuẩn là tàu đóng tại Nhật)

Giá trị tàu hàng khô đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)						% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
03/2025						1M	3M	6M	12M	
Capesize (180.000 dwt)						74.0	0.00%	-2.63%	-3.27%	9.23%
Panamax (77.000 dwt)						37.0	0.00%	-0.67%	-1.33%	1.37%
Giá trị tàu dầu dầu/hóa chất đóng mới (đv: triệu đô la Mỹ)						% thay đổi theo (M (month) = tháng)				
03/2025						1M	3M	6M	12M	
VLCC (300.000 dwt)						125.5	-0.79%	-2.71%	-2.71%	-2.33%
Suezmax (170.000 dwt)						88.0	-0.56%	-2.22%	-2.22%	2.33%

Supramax (61.000 dwt)	34.5	0.00%	-0.72%	-1.43%	2.22%	A.max (115.000 dwt)	74.5	-0.67%	-0.67%	-0.67%	7.19%
Handysize (37.000 dwt)	30.5	0.00%	-11.59%	-11.59%	-10.29%	MR (56.000 dwt)	51.0	-1.92%	-1.92%	-1.92%	6.25%

3. THỊ TRƯỜNG THUÊ TÀU

3.1. Thị trường thuê tàu hàng khô:

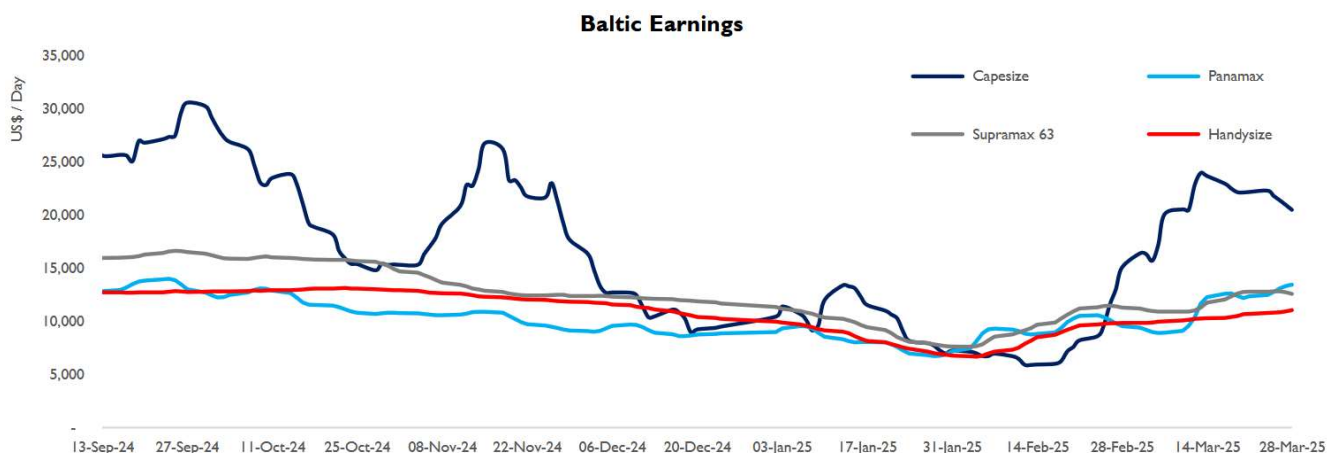
Thị trường **Supramax** tuần qua tiếp tục diễn ra khá yên ắng, cước trung bình trong tuần đóng cửa ở mức 12.576 đô la Mỹ, giảm nhẹ 211 đô la Mỹ so với mức 12.787 đô la Mỹ của tuần trước. Nhìn chung các tuyến xuyên Đại Tây Dương từ Vịnh Châu Mỹ hoạt động tốt hơn, nhưng các tuyến đi xa fronthaul lại có phần giảm nhiệt, ý tưởng của các chủ tàu và người thuê khác biệt đáng kể. Các yếu tố cơ bản ở Nam Đại Tây Dương ít thay đổi và cước vẫn dao động quanh mức giao dịch cuối cùng. Thị trường Continent-Địa Trung Hải có vẻ cân bằng, không có sự thay đổi đáng kể, mặc dù cần thêm hàng hóa vào tuần tới khi lượng tàu chờ trong khu vực tăng lên. Tâm lý tiêu cực vẫn tồn tại ở thị trường Thái Bình Dương do nhu cầu thuê mới hạn chế.

Cước trung bình phần khúc **Handies** tuần qua đóng cửa ở mức 11.052 đô la Mỹ, tăng nhẹ 333 đô la Mỹ so với mức 10.719 đô la Mỹ của tuần trước. Tuần này, thị trường chứng kiến nhiều hoạt động hỗn hợp tùy vào từng khu vực. Ở Continent-Địa Trung Hải, cảm giác thị trường ổn định nhờ nguồn hàng dồi dào và nhu cầu thuê tương ứng, mặc dù các chủ tàu vẫn đang thận trọng nhưng các giao dịch vẫn được chốt đều với mức cước đáng kể. Đơn cử một tàu Handy khoảng 33.000-35.000 dwt có thể đạt được mức cước khoảng 14.000 đô la Mỹ cho chuyến chở hàng rời đến Tây Địa Trung Hải và khoảng 15.000 đô la Mỹ đối với chuyến đi đến Algeria. Các chuyến hàng phế liệu xuất hiện trên thị trường với số lượng ngày càng tăng, cước khoảng 18.000 đô la Mỹ. Ở Nam Đại Tây Dương và Vịnh Châu Mỹ, thị trường vẫn tương tự dù nguồn hàng rời tăng theo mùa phải cần đến các tàu lớn hơn, để lại các tàu handies tìm hàng tự do trong khu vực. Ngoài ra, nguồn hàng xuất đi từ Bờ Đông Nam Mỹ tăng. Có tin một tàu khoảng 39.000 dwt được chốt chở hàng rời từ Recalada đến Salvador-Fortaleza với giá khoảng 14.750 đô la Mỹ. Trong khi đó ở Châu Á, mặc dù cước có giảm nhẹ nhưng thị trường vẫn ổn định và cân bằng nguồn cung-cầu, điều này có thể là do kỳ nghỉ lễ Edid ở các quốc gia Hồi giáo. Từ phía Bắc, các chuyến hàng đến Đông Nam Á đang dao động ở khoảng 10.000-11.000 đô la Mỹ đối với các tàu trẻ khoảng 38.000 dwt. Nhu cầu thị trường thép giảm nhẹ và phía Nam rất yên ắng vào khoảng cuối tuần. Cuối cùng, cước định hạn đối với các tàu khoảng 38.000 dwt vẫn đang ở mức khoảng 13.000 đô la Mỹ.

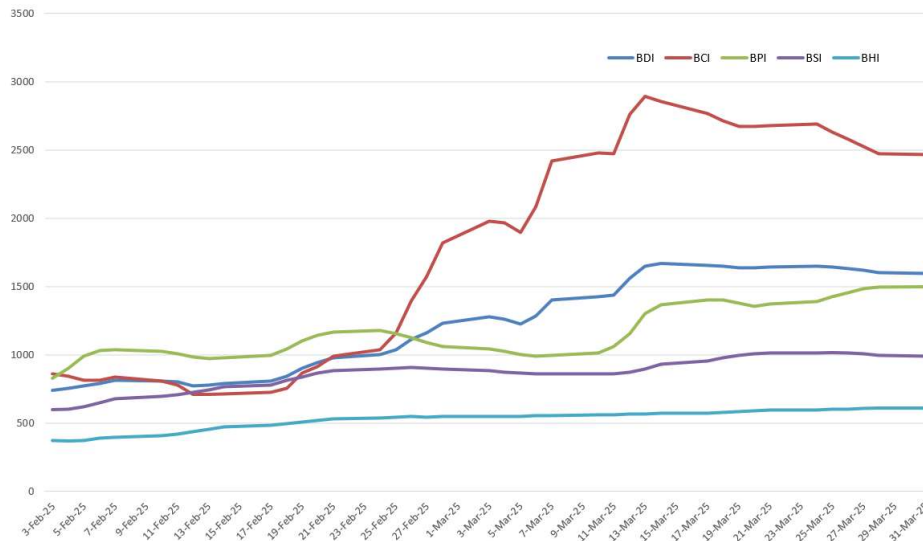
GIA THUÊ T/C TRUNG BÌNH TÀU HÀNG KHÔ THAM KHẢO NGÀY 31/03/2025

	US\$/ngày	▲/▼
SUPRAMAX	10,542	▼ 211
HANDIES 38K	11,052	▲ 333

(so sánh với giá trị ngày 24/03/2025)



CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU HÀNG KHÔ



3.2. Thị trường thuê tàu dầu/hóa chất:

Tại thời điểm báo cáo, giá dầu WTI ở mức 71,05 đô La Mỹ/thùng, tăng 2,45% (tương đương tăng 1,70 đô La Mỹ/thùng). Tương tự, giá dầu Brent ở mức 74,68 đô La Mỹ/thùng, tăng 1,43% (tương đương tăng 1,05 đô La Mỹ/thùng). Theo ghi nhận, giá dầu đã tăng khoảng 1% vào thứ Hai, chạm mức cao nhất trong 5 tuần, do lo ngại nguồn cung có thể giảm nếu Tổng thống Mỹ Donald Trump thực hiện lời đe dọa áp thêm thuế quan đối với người mua dầu của Nga, trong bối cảnh cuộc chiến tại Ukraine vẫn chưa có tiến triển đáng kể trong việc đi đến hồi kết.

Đồng thời, sau khi Mỹ thu hồi giấy phép của Chevron từ cuối tháng Hai, Caracas thông báo tối Chủ nhật rằng Mỹ đã thu hồi giấy phép của “các tập đoàn dầu khí đa quốc gia” từng được phép hoạt động tại Venezuela như Repsol (Tây Ban Nha) và Maurel và Prom (Pháp) cũng đang có thể mất quyền hoạt động. Venezuela sở hữu trữ lượng dầu lớn nhất thế giới. Tuy nhiên, sản lượng khai thác từng đạt mức kỷ lục 3,5 triệu thùng/ngày từ đầu những năm 2000, nay chỉ còn khoảng 1 triệu thùng do quản lý yếu kém, tham nhũng và các lệnh trừng phạt của Mỹ từ năm 2019. Do đó, nguy cơ khủng hoảng mới đang dần hiện hữu, với lạm phát tăng vọt và nguy cơ thiếu hụt hàng hóa.

3.2.1 Phân khúc tàu chở dầu thô

Phân khúc tàu VLCC	Thị trường tàu VLCC tại khu vực Trung Đông vào đầu tuần đã có sự tích cực mạnh mẽ do có một lượng lớn hàng hóa dự kiến vận chuyển sang Trung Quốc vào đầu tháng tư. Tuy nhiên, cước đã giảm xuống chỉ còn ở mức WS 58, với ghi nhận nhu cầu đang giảm dần khi các đơn hàng hầu hết đã được ký kết. Bên cạnh đó, khu vực Đại Tây Dương cũng trải qua một tuần với nhiều sự biến động tương tự, cước trên tuyến Tây Phi/Trung Quốc chỉ được chốt ở mức WS 59 – giảm khoảng 7 điểm so với tuần trước đó.			
	Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
	Trung Đông/ Trung Quốc	46,589	39,868	↓
	USG/Trung Quốc	43,446	47,028	↑

Phân khúc tàu Suezmax

Theo ghi nhận, cước tàu Suezmax ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ do khối lượng hàng hóa từ CPC vào khu vực Biển Đen tăng cao. Đơn cử, cước cho tuyến Nigeria/UKC đã chốt ở mức WS 102. Ngoài ra, cước tại khu vực USG đã tăng từ WS 80 – 82.5 lên mức WS 95 cho các đơn hàng chạy xuyên khu vực Đại Tây Dương. Tuy nhiên, vào cuối tuần thị trường USG và Nam Mỹ hiện khá trầm lắng do người thuê có xu hướng ưu tiên ký kết các tàu VLCC.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
Tây Phi / Cont	40,975	45,044	↑
Guyana / UKC	39,922	43,506	↑

Phân khúc tàu Aframax

Theo đánh giá, phân khúc Aframax đã có một tuần sôi động tại khu vực Trung Đông. Mặc dù, số lượng hàng hóa mới tại khu vực có phần hạn chế nhưng cước vẫn tăng do sự thiếu hụt tàu trở lại từ các tuyến Singapore/Úc. Ở chiều hướng ngược lại, cước tại thị trường Địa Trung Hải đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ, tăng 69 điểm, sau khi phục hồi từ một khởi đầu chậm chạp, hiện cước cho tuyến Ceyhan/Lavera kết thúc tuần ở mức WS 198.

Tuyến	Cước TCE tuần trước (đô la Mỹ/ngày)	Cước TCE tuần này (đô la Mỹ /ngày)	Xu hướng so với tuần trước
UKC / UKC	25,230	46,424	↑
Med / Med	33,386	67,856	↑
USG / Cont	35,548	50,085	↑
EC Mex / USG	29,226	51,394	↑

3.2.2 Phân khúc tàu chở dầu thành phẩm/ hóa chất:

Đối với phân khúc **tàu MR-Handy**: Thị trường tàu MR đã trải qua một tuần với nhiều sự biến động, dù cho sự thiếu hụt tàu có sẵn vẫn tiếp diễn trên hầu hết các khu vực nhưng nhu cầu lại tương đối hạn chế. Xuất hiện một vài lô hàng đang được thỏa thuận, nhưng một số trong đó theo ghi nhận đã được tạm dừng giao dịch và cũng có các lô hàng theo báo cáo đã được ký kết dài hạn, sự biến động này khiến hoạt động trên thị trường diễn ra một cách trì trệ. Theo ghi nhận, cước hiện vẫn tiếp tục duy trì quanh mức WS 190 cho các đơn hàng trên tuyến Med/UKC, và điều này giúp cho thị trường phần nào ổn định ở thời điểm hiện tại. Bên cạnh đó, phân khúc tàu Handy trong tuần này tại khu vực Địa Trung Hải có phần trầm lắng hơn với 37 hợp đồng được ký kết – ít hơn tuần trước 5 giao dịch và phần lớn hoạt động chỉ diễn ra trong nửa đầu tuần, và xu hướng ảm đạm hơn vào những ngày cuối tuần. Theo ghi nhận, số lượng tàu đang dần tăng lên và cước đang phải chịu áp lực, mức WS 235 là mức mới nhất được báo cáo. Dự báo rằng thời tiết sẽ chuyển biến xấu vào cuối tuần, vì vậy cần phải chú ý đến lịch trình hoạt động của tàu tại tất cả khu vực, theo như đánh giá cước có thể sẽ chịu áp lực giảm trong tuần tới.

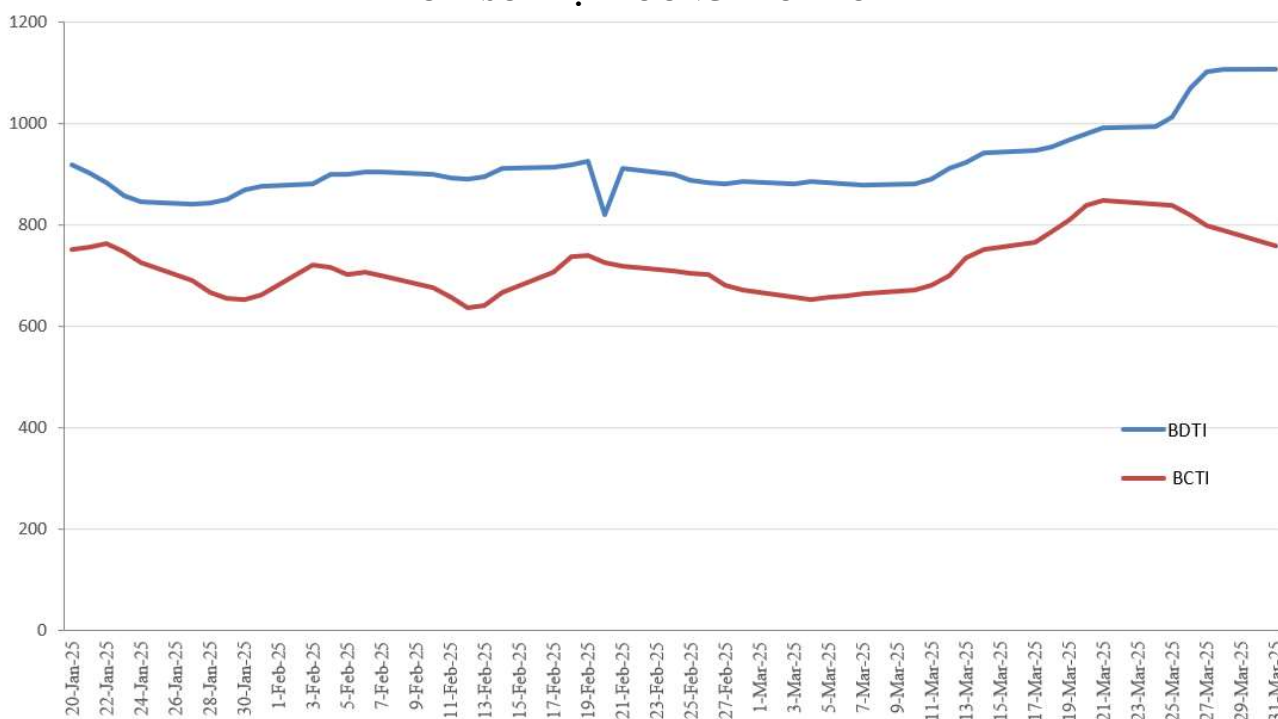
Phân khúc tàu dầu/hóa chất nhỏ: Các giao dịch đi khu vực Bắc vẫn tiếp tục xu hướng trầm lắng, do số lượng tàu dư thừa trong khu vực tiếp tục tăng cao và di chuyển vào khu vực Đông Nam Á. Theo báo cáo, Hengyi đã không thể cạnh tranh được hợp đồng từ MOL cho lô hàng 18.000 tấn BTX từ Muara đến trung Trung Quốc

với mức cước 22 đô La Mỹ/tấn, có ghi nhận chỉ ra rằng một tàu Hàn Quốc đã giành được hợp đồng này với mức cước từ 20.5 – 21 đô La Mỹ/tấn. Bên cạnh đó, có 2 lô hàng nhỏ hơn, khoảng 4.000 – 6.000 tấn được đưa ra bởi PTT và Tricon, từ Maptaphut đến trung Trung Quốc, người thuê tàu đều chỉ chấp nhận mức cước tối đa là 30 đô La Mỹ/tấn để ký kết giao dịch. Bên cạnh đó, các giao dịch đi khu vực phía Nam, Đông Nam Á/Straits cũng không mấy khả quan, ghi nhận MTBE và Caustic Soda là hai loại hàng hóa chính vận chuyển vào Đông Nam Á, cước hiện dao động ở mức 32 – 33 đô La Mỹ/tấn cho các lô hàng từ 10.000 – 12.000 tấn. Đối với hàng dầu cò, dự đoán rằng cước không có khả năng cải thiện trong tương lai gần. Ghi nhận các lô hàng 10.000 – 12.000 tấn đi ECI được ký kết với mức cước từ 23 – 25 đô La Mỹ/tấn, trong khi các lô hàng lớn hơn 15.000 – 18.000 tấn đi WCI/Pakistan được ký kết với mức cước từ 27 – 30 đô La Mỹ/tấn.

Bảng minh họa giá thuê tàu định hạn cập nhật theo số liệu gần nhất (US\$/ngày):

	Giá thuê tàu định hạn tuần 13/2025			Giá thuê tàu định hạn tuần 12/2025		
	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM	1 NĂM	3 NĂM	5 NĂM
VLCC	50,000	48,500	47,000	49,000	47,500	45,000
SUEZMAX	35,000	33,500	33,000	34,500	35,000	34,000
AFRAMAX	30,500	29,000	27,500	31,000	29,000	27,500
LR-2	28,500	28,000	27,000	29,000	29,000	28,000
LR-1	23,500	22,000	21,500	23,500	22,500	22,000
MR	20,000	19,500	18,500	21,000	21,000	20,000
HANDY	18,000	17,000	16,000	18,000	16,500	16,000

CHỈ SỐ THỊ TRƯỜNG TÀU DẦU



4. THỊ TRƯỜNG TÀU PHÁ DỠ:

GIÁ PHÁ DỠ THAM KHẢO

(dành cho tàu có lt > 5.000)

STT	Giao tại	Tàu hàng rời		Tàu dầu		Tàu container	
		US\$	▼/▲	US\$	▼/▲	US\$	▼/▲
1	Pakistan	445		470		480	
2	Bangladesh	455	▲ 5	475	▲ 5	485	▲ 5
3	India	440		460		470	
4	Turkey	280		290		300	

(đơn vị tính: usd/lt ldt. 1 lt = 1.017 mt ldt)

MỘT SỐ TÀU PHÁ DỠ GHI NHẬN TRONG TUẦN 13/2025

Name	Type	Blt year	LDT	Demolition place	Price (US\$/lt)	Dwt	Comments
Dukhan	LNG	2004	32,467	-	610.00	-	Subtcont, LDT incl st. turbine main engine, 3000t aluminum content
Xie Hal Chong He	Bulker	1994	10,183	-	400.00 (net)	71,252	As is China

CÔNG TY MÔI GIỚI TÀU BIỂN TIỀN PHONG

PIONEER SHIPBROKERS

MUA – BÁN – THUÊ TÀU

Email: snp@pioneershipbrokers.com.vn

Các thông tin trên được chúng tôi tập hợp từ các nguồn thông tin khác nhau và chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không chịu trách nhiệm về bất cứ khiếu nại nào liên quan đến tính chính xác của các thông tin trên.